

Điều 4. - Cơ quan thường trực về công tác phi Chính phủ nước ngoài là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Cơ quan thường trực về công tác phi Chính phủ trong nước là Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 5. - Lễ lối làm việc của Ủy ban và phân công trách nhiệm cụ thể các Ủy viên Ủy ban do Chủ nhiệm Ủy ban quyết định.

Điều 6. - Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ có con dấu riêng.

Điều 7. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 214-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7-7-1993 về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác về các tổ chức phi Chính phủ.

Điều 8. - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Trưởng ban Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và lãnh đạo cơ quan Trung ương các tổ chức nhân dân có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 340-TTg ngày 24-5-1996 về việc ban hành Quy chế Hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường công tác quản lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Trưởng ban Ban Đối ngoại Trung ương Đảng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và lãnh đạo cơ quan Trung ương các tổ chức nhân dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ Hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 340-TTg ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương 1

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để được tiến hành các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác, phải được phép của Chính phủ Việt Nam dưới các hình thức: Giấy phép hoạt động, Giấy phép lập Văn phòng dự án hoặc Giấy phép lập Văn phòng đại diện.

Điều 2. - Tổ chức phi Chính phủ được xét cấp Giấy phép hoạt động khi có đủ các điều kiện:

1. Có tư cách pháp nhân theo pháp luật nước mình hoặc pháp luật của nước cho đặt trụ sở chính.
2. Có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động rõ ràng.
3. Đã có hoặc dự kiến có các chương trình, dự án phát triển, nhân đạo tại Việt Nam phù hợp với

chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước Việt Nam; cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và tôn trọng phong tục, tập quán truyền thống của Việt Nam.

Điều 3.- Tổ chức phi Chính phủ được xét cấp Giấy phép lập Văn phòng dự án khi có đủ các điều kiện:

1. Đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 1, điểm 2, Điều 2 của Quy chế này.

2. Có chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt và quy mô, tính chất của chương trình, dự án đó đòi hỏi sự điều hành, giám sát thường xuyên, tại chỗ.

Điều 4.- Tổ chức phi Chính phủ được xét cấp Giấy phép lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội khi có đủ các điều kiện:

1. Đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm 1, điểm 2, Điều 2 của Quy chế này.

2. Đã có chương trình, dự án viện trợ có hiệu quả tại Việt Nam trong ít nhất 2 năm trước đó.

3. Trong quá trình hoạt động ở Việt Nam luôn tôn trọng pháp luật Việt Nam và phong tục, tập quán truyền thống của Việt Nam.

4. Hiện có các chương trình, dự án viện trợ dài hạn (từ 2 năm trở lên) tại Việt Nam và đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

Điều 5.- Cơ quan có thẩm quyền xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi các loại Giấy phép là Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ (dưới đây gọi tắt là Ủy ban). Cơ quan thường trực về công tác phi Chính phủ nước ngoài của Ủy ban là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Liên hiệp).

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 6.-

a) Hồ sơ xin Giấy phép hoạt động tại Việt Nam gồm:

1. Đơn đề nghị của người đứng đầu tổ chức phi Chính phủ viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh (hoặc tiếng Pháp) gửi Ủy ban nêu những nội dung chính sau đây:

- Tên đầy đủ của tổ chức, nơi đặt trụ sở chính.

- Tôn chỉ, mục đích hoạt động.

- Sơ lược về lịch sử phát triển của tổ chức.

- Nguồn và khả năng tài chính.

- Chương trình, dự án và kế hoạch hoạt động tại Việt Nam.

2. Điều lệ của tổ chức phi Chính phủ.

3. Văn bản chứng nhận tư cách pháp nhân do cơ quan có thẩm quyền của nơi thành lập hoặc nơi đặt trụ sở chính cấp, hoặc bản sao có công chứng.

b) Hồ sơ xin lập Văn phòng dự án, ngoài những tài liệu nêu tại Khoản a của Điều này, cần có thêm:

1. Nêu rõ trong đơn lý do lập Văn phòng dự án; nơi dự kiến đặt Văn phòng dự án; số người nước ngoài và người Việt Nam cần thiết cho hoạt động của Văn phòng.

2. Văn bản chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

3. Tiểu sử của người dự kiến làm Trưởng Văn phòng dự án.

Điều 7.- Hồ sơ xin lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội, ngoài những tài liệu nêu tại Khoản a, Điều 6 của Quy chế này, cần có thêm:

1. Nêu rõ trong đơn lý do lập Văn phòng đại diện; dự kiến số người nước ngoài và người Việt Nam cần thiết làm việc tại Văn phòng đại diện.

2. Bản báo cáo hoạt động tại Việt Nam ít nhất hai năm trước đó.

3. Văn bản chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt.

4. Tiểu sử của người dự kiến được cử làm Trưởng Văn phòng đại diện và giấy giới thiệu làm đại diện tại Việt Nam của người đứng đầu tổ chức phi Chính phủ.

Điều 8.- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày đối với Giấy phép hoạt động; không quá 60 (sáu mươi) ngày đối với Giấy phép lập Văn phòng dự án; không quá 90 (chín mươi) ngày đối với Giấy phép lập Văn phòng đại diện, Ủy ban thông báo kết quả đến tổ chức phi Chính phủ liên quan.

Điều 9.- Thời hạn Giấy phép cấp lần đầu:

- Không quá sáu tháng đối với Giấy phép hoạt động cấp cho tổ chức phi Chính phủ vào khảo sát, xây dựng dự án, chương trình.

- Không quá một năm đối với Giấy phép hoạt động cấp cho tổ chức phi Chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án viện trợ tại Việt Nam.

- Không quá hai năm đối với Giấy phép lập Văn phòng dự án.

- Không quá ba năm đối với Giấy phép lập Văn phòng đại diện.

Nếu có nhu cầu gia hạn, tổ chức phi Chính phủ làm đơn gửi Ủy ban ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn. Thời gian gia hạn cho mỗi lần không quá thời hạn Giấy phép cấp lần đầu.

Điều 10.- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cấp hoặc gia hạn Giấy phép, tổ chức phi Chính phủ phải hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan.

Điều 11.- Khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép đã cấp, như đổi tên gọi, chuyển trụ sở Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện, thay thế Trưởng Văn phòng, Trưởng Đại diện, bổ sung nhân viên làm việc tại Văn phòng, điều chỉnh phạm vi, nội dung hoạt động, tổ chức phi Chính phủ phải có đơn đề nghị Ủy ban đồng gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi mình hoạt động hoặc nơi đặt Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban có văn bản trả lời tổ chức phi Chính phủ liên quan.

Điều 12.- Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện và các tổ chức phi Chính phủ được cấp Giấy phép hoạt động tại Việt Nam phải chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Khi Giấy phép hết thời hạn.
2. Khi có quyết định thu hồi giấy phép của Ủy ban theo quy định tại Khoản b, Điều 17 của Quy chế này.

Giấy phép lập Văn phòng dự án đương nhiên hết hiệu lực khi chương trình, dự án viện trợ kết thúc. Giấy phép lập Văn phòng đại diện cũng đương nhiên hết hiệu lực khi tổ chức phi Chính phủ không còn có hoạt động nào như đã nêu trong đơn xin lập Văn phòng đại diện.

Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy phép hết hạn hoặc nhận được thông báo buộc chấm dứt hoạt động, tổ chức phi Chính phủ phải giải quyết xong các vấn đề liên quan đến trụ sở, nhà ở, người làm thuê, phương tiện làm việc, thanh toán xong các khoản nợ (nếu

có) và những vấn đề liên quan khác với các tổ chức và cá nhân tại Việt Nam.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ TẠI VIỆT NAM

Điều 13.- Hoạt động của tổ chức phi Chính phủ tại Việt Nam phải theo đúng nội dung, phạm vi đã quy định trong Giấy phép được cấp.

Điều 14.- Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng dự án hoặc người được tổ chức phi Chính phủ ủy nhiệm đại diện cho các hoạt động tại Việt Nam (trong trường hợp chỉ có Giấy phép hoạt động) là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tổ chức phi Chính phủ đó tại Việt Nam.

Người được tổ chức phi Chính phủ ủy nhiệm làm đại diện và Trưởng Văn phòng dự án có trách nhiệm định kỳ ba tháng một lần; Trưởng Văn phòng đại diện có trách nhiệm định kỳ sáu tháng một lần báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban về hoạt động của tổ chức mình tại Việt Nam, đồng thời có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan tới hoạt động của tổ chức mình cho Ủy ban khi được yêu cầu.

Khi kết thúc dự án hoặc hết năm tài chính, tổ chức phi Chính phủ phải có báo cáo quyết toán gửi đến Ủy ban, cơ quan chủ quản dự án (Bộ, Ban, ngành, cơ quan Trung ương của tổ chức nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 15.-

a) Sau khi được cấp Giấy phép lập Văn phòng dự án hoặc Văn phòng đại diện, tổ chức phi Chính phủ được phép thuê trụ sở, nhà ở và được thuê nhân công là người Việt Nam làm việc cho Văn phòng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Đại diện và nhân viên là người nước ngoài của tổ chức phi Chính phủ (khi đã có chương trình, dự án viện trợ cho Việt Nam) được mở tài khoản chuyên chi (bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại các Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

c) Việc nhập khẩu vào Việt Nam các thiết bị văn phòng, phương tiện giao thông và phụ tùng thay thế, đồ dùng cá nhân cần thiết cho nhu cầu

công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện và nhân viên là người nước ngoài của Văn phòng được áp dụng theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16.- Các Văn phòng đại diện đã được Chính phủ Việt Nam cho phép lập trước khi có Quy chế này không phải xét duyệt lại, nhưng phải bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực và phải thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.

Các tổ chức phi Chính phủ đã hoạt động tại Việt Nam trước khi ban hành Quy chế này, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực phải làm thủ tục xin Giấy phép hoạt động, hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động.

Các bộ phận công tác của tổ chức phi Chính phủ hiện đang hoạt động tại Việt Nam, có trụ sở và nhân viên, nhưng chưa được Chính phủ Việt Nam cấp phép, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, phải làm thủ tục xin lập Văn phòng dự án hoặc Văn phòng đại diện theo các quy định của Quy chế này, hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động.

Điều 17.-

a) Các tổ chức, cá nhân đóng góp tích cực, có hiệu quả cho các chương trình phát triển và nhân đạo tại Việt Nam được nhân dân và Nhà nước Việt Nam hoan nghênh và ghi công.

b) Những tổ chức phi Chính phủ có hoạt động không phù hợp với Giấy phép được cấp, hoặc vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị cơ quan cấp Giấy phép đình chỉ một phần hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của tổ chức phi Chính phủ và nhân viên của tổ chức phi Chính phủ sẽ bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Điều 18.- Ủy ban Công tác về các tổ chức phi Chính phủ có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, địa phương liên quan thực hiện Quy chế này.

Điều 19.- Các Bộ, Ban, ngành, các tổ chức nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có

trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát việc thực hiện Quy chế này theo chức trách của mình. Nếu phát hiện có trường hợp vi phạm, phải xử lý kịp thời theo thẩm quyền và báo cáo lên Ủy ban.

Điều 20.- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký; các quy định khác trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 1357-TC/QĐ/TCT ngày 30-12-1995 về quy định khung giá cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước được Nhà nước cho thuê đất.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14-7-1993;

Căn cứ Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất ngày 14-10-1994;

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 18-CP ngày 13-2-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 178-CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 7463-KTN ngày 30-12-1995 của Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định khung giá cho thuê đất đối với các tổ chức trong nước được Nhà nước cho thuê đất.